

## PHÂN TÍCH RỦI RO TRONG SẢN XUẤT CÀ PHÊ CỦA CÁC HỘ NÔNG DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Ngọc Thắng\*, Nguyễn Tất Thắng, Nguyễn Thành Công

*Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên*

*Email\*: ngthang67@yahoo.com*

Ngày gửi bài: 08.02.2017

Ngày chấp nhận: 03.04.2017

### TÓM TẮT

Sản xuất cà phê của các hộ nông dân ở tỉnh Đắk Lắk gặp nhiều rủi ro, gây thiệt hại nặng nề cho người sản xuất trong thời gian qua. Nghiên cứu đã tiến hành thu thập thông tin của 300 hộ dân tại hai huyện Buôn Đôn và Krông Năng, các phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh được sử dụng chủ yếu trong phân tích. Nghiên cứu thực hiện nhằm phân tích các nội dung về rủi ro chủ yếu như: rủi ro trong sản xuất, rủi ro về thị trường, rủi ro về tài chính trong sản xuất kinh doanh cà phê của hộ nông dân. Qua phân tích nghiên cứu cũng chỉ ra mức độ thiệt hại do các yếu tố rủi ro gây ra và đưa ra các khuyến nghị để các hộ nông dân sản xuất cà phê ở địa bàn thực hiện nhằm giảm thiểu rủi ro, khuyến nghị đó tập trung vào việc hộ nông dân cần mua bảo hiểm sản xuất và thực hiện liên kết trong sản xuất.

Từ khóa: Phân tích, rủi ro, sản xuất cà phê, hộ nông dân.

### Risk Analysis in Coffee Production of Farm Households in Dak Lak Province

#### ABSTRACT

Coffee production of farm households plays a vital role in socio - economic development process of Dak Lak province but coffee growers often face, among others, with drought, yield and price risks. To analyze coffee production risks, data were collected from 300 coffee-farming households in Buon Don district and Krong Nang district of Daklak province. Descriptive statistics and comparative method were used for data analysis. This study focused on analyzing the main risks relating to households' coffee production including production risks, market risks and financial risks. The research results addressed and measured the losses of different risks and proposed some recommendations that farm households can apply to reduce risks, of which buying production insurance and developing linkage in coffee production were highly recommended.

Keywords: Risks analysis, coffee production, farm household.

#### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong sản xuất nông nghiệp, rủi ro và sự không chắc chắn là phổ biến và đa dạng. Các nghiên cứu trên thế giới cho rằng, rủi ro trong nông nghiệp có liên quan trực tiếp đến kết quả tiêu cực xuất phát từ biến sinh học, khí hậu và sự biến động giá cả. Những biến này bao gồm những yếu tố tự nhiên như sâu bệnh và bệnh, các yếu tố khí hậu không nằm trong sự kiểm soát của các nhà sản xuất nông nghiệp và

những thay đổi bất lợi từ giá đầu vào và giá đầu ra. Chính vì vậy, để đối phó với rủi ro trong nông nghiệp cần phân loại các nguồn gốc của rủi ro (Hardaker *et al.*, 2004; Harwood *et al.*, 1999; Worldbank, 2005).

Hiện nay, có rất nhiều các công trình nghiên cứu trên thế giới về rủi ro trong sản xuất cà phê (Worldbank, 2015; Ipsard, 2011; ICC, 2009; Jacome, 2004; Ramirez and Sosa, 2000). Nhìn chung, rủi ro trong sản xuất cà phê mà nghiên cứu đề cập được chia làm ba nhóm

chính: rủi ro sản xuất, rủi ro thị trường và rủi ro tài chính. Rủi ro sản xuất cà phê là do các nguyên nhân xuất phát từ đặc điểm của sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào thời tiết, khí hậu và môi trường sống. Rủi ro thị trường và rủi ro tài chính xuất phát từ sự biến động về giá cả đầu vào, giá sản phẩm cà phê, những biến động về tỷ giá và lãi suất.

Đắk Lắk được xem là thủ phủ cà phê của Việt Nam, với diện tích trồng cà phê lớn nhất nước (đến năm 2014 cả tỉnh có hơn 203.516 ha, chiếm khoảng 40% tổng diện tích cà phê của cả nước) (Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2015). Nhiều năm qua, cà phê được coi là cây trồng kinh tế chủ lực của tỉnh, góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo và làm giàu cho người dân đặc biệt là vùng dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, trong những năm qua sản xuất cà phê của tỉnh đang gặp phải nhiều khó khăn thách thức như ảnh hưởng của biến đổi khí hậu làm cho thời tiết diễn biến bất thường, đặc biệt là tình trạng hạn hán kéo dài, mưa trái vụ, bão lũ, sâu bệnh làm ảnh hưởng xấu tới sinh trưởng, phát triển năng suất và chất lượng của cà phê. Giá cả vật tư, lao động đầu vào và giá cà phê thế giới luôn biến động mạnh làm cho người trồng cà phê không yên tâm đầu tư. Ngoài ra, nhiều hộ nông dân chưa thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chăm sóc, thu hái, điều kiện sơ chế, bảo quản còn kém chất lượng nên cà phê nhân chưa đồng đều, thất thoát về số lượng và chất lượng còn cao.

Dựa trên số liệu thứ cấp và sơ cấp được thu thập từ các hộ sản xuất cà phê ở 2 huyện của tỉnh Đắk Lắk, bài viết này nhằm phân tích thực trạng rủi ro trong sản xuất cà phê, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp giúp hộ nông dân của tỉnh giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cà phê.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Nguồn số liệu

#### 2.1.1. Số liệu thứ cấp

Các thông tin thứ cấp liên quan đến sản xuất cà phê, diễn biến về thời tiết, khí hậu, quy hoạch..., được nghiên cứu tổng hợp từ các báo

cáo của địa phương, của tỉnh và các sách báo có liên quan.

#### 2.1.2. Số liệu sơ cấp

Tỉnh Đắk Lắk được chọn làm địa bàn nghiên cứu vì đây là tỉnh có diện tích cà phê cao nhất trong cả nước. Trong 15 huyện thị trên địa bàn tỉnh, hai huyện bao gồm: Krông Năng đại diện cho địa bàn ít gặp rủi ro, tổn thất và huyện Buôn Đôn là địa bàn gặp nhiều rủi ro tổn thất được lựa chọn để nghiên cứu điển.

Các thông tin sơ cấp được thu thập thông qua điều tra phỏng vấn 300 hộ sản xuất cà phê tại hai điểm nghiên cứu. Các hộ điều tra được phân làm 3 nhóm hộ theo quy mô sản xuất. Hộ quy mô nhỏ với diện tích cà phê nhỏ hơn 1 ha là 211 hộ, chiếm 70,33% tổng số hộ điều tra (trong đó huyện Buôn Đôn có 112 hộ, chiếm 74,6% tổng số hộ điều tra tại Buôn Đôn và Krông Năng là 99 hộ chiếm 66%). Nhóm hộ có diện tích trung bình từ 1 - 2 ha là 83 hộ, chiếm 27,66% tổng số hộ điều tra. Nhóm số hộ có diện tích lớn từ 2 - 4 ha rất ít với 6/300 hộ điều tra.

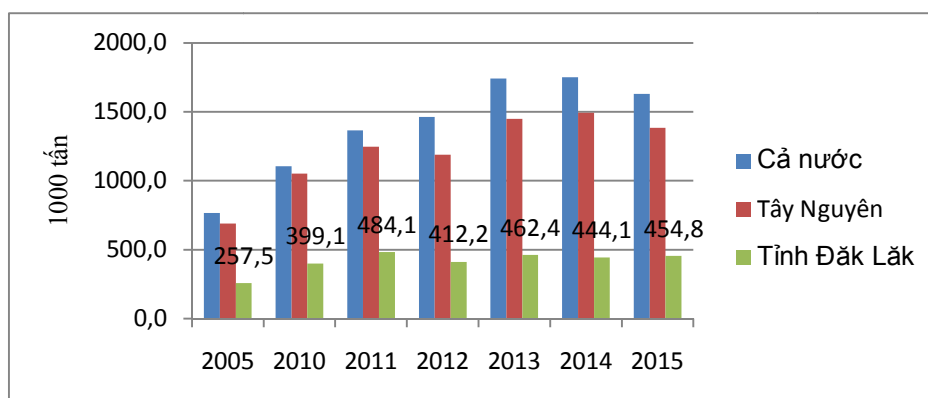
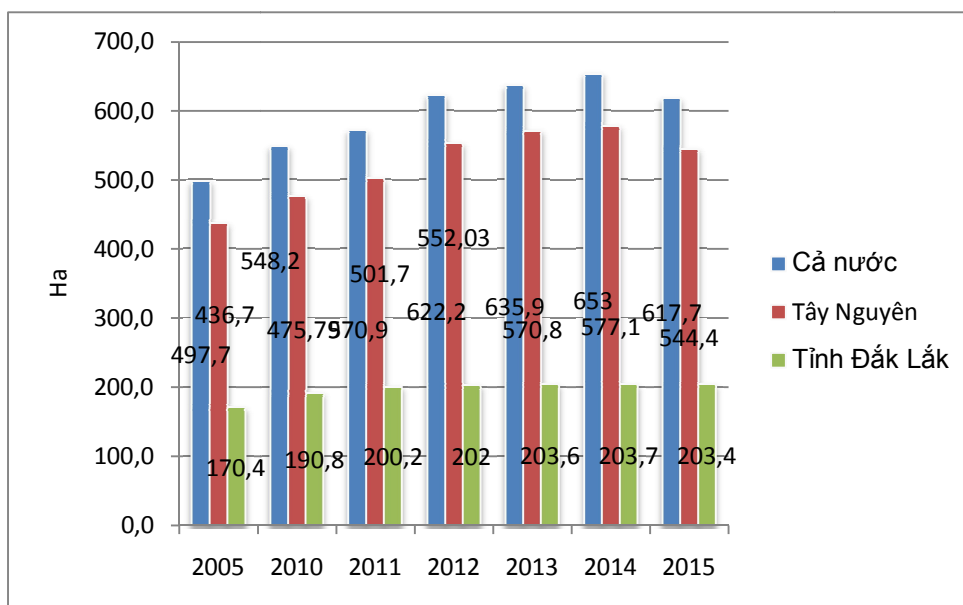
## 2.2. Phân tích và xử lý số liệu

Các phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh và phương pháp ma trận đánh giá rủi ro được sử dụng để phân tích thông tin. Các chỉ tiêu sử dụng trong nghiên cứu được phân ra làm hai nhóm chính: Nhóm chỉ tiêu liên quan đến sản xuất, kết quả và hiệu quả của sản xuất; nhóm chỉ tiêu phản ánh rủi ro và giảm thiểu rủi ro.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Thực trạng sản xuất cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Cà phê là cây công nghiệp hàng hóa xuất khẩu quan trọng nhất của Đắk Lắk. Năm 2015, diện tích cà phê của tỉnh là 203,4 nghìn ha, chiếm 37,36% diện tích trồng cà phê toàn Tây Nguyên (trong đó diện tích cho sản phẩm là 192,5 nghìn ha), năng suất 23,6 tạ/ha và sản lượng 454,8 nghìn tấn (tăng gần 1,2 lần về diện tích, 1,5 lần về năng suất và 1,76 lần về sản lượng so với năm 2005).



**Đồ thị 1. Biến động diện tích, sản lượng cà phê của Đắk Lắk từ năm 2005 - 2015**

Nguồn: Niên giám thống kê Đắk Lắk 2014, 2015

Kết quả điều tra ở bảng 1 cho thấy phần lớn vườn cây cà phê được điều tra ở độ tuổi kinh doanh ổn định. Theo kết quả điều tra 2 huyện nghiên cứu, vườn cà phê có độ tuổi từ 10 - 20 tuổi chiếm trên 60%, đây là những vườn đang trong thời kỳ kinh doanh có năng suất ổn định. Vườn cà phê có độ tuổi < 10 chiếm 30% số vườn điều tra. Diện tích vườn cà phê có độ tuổi > 20 tuổi chiếm tỷ lệ thấp, đây là các vườn cà phê già cỗi, năng suất thấp, cần có kế hoạch tái canh hoặc cưa đốn ghép chồi nhằm trẻ hóa vườn cây hoặc thanh lý chuyển đổi trồng các loại cây trồng khác đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Đa số các vườn cà phê trong giai đoạn sản

xuất kinh doanh của hai huyện đều sử dụng giống cây thực sinh và nguồn cây giống chủ yếu vẫn là tự chọn và ươm giống để trồng. Năng suất cà phê bình quân ở Krông Năng tương đối cao do điều kiện khí hậu và đất đai ở đây màu mỡ, thích hợp cho cây cà phê sinh trưởng và phát triển nên đem lại năng suất cao. Năng suất cà phê của Krông Năng cao gấp 1,75 lần so với các hộ sản xuất cà phê tại huyện Buôn Đôn.

Ngoài ra, doanh thu bình quân trên một hộ cũng có sự chênh lệch khá lớn, của Buôn Đôn là 75,48 triệu đồng/hộ, trong khi đó của Krông Năng là 144,90 triệu đồng/hộ tương ứng gấp 1,92 lần huyện Buôn Đôn.

**Bảng 1. Thực trạng sản xuất cà phê tính đến năm 2015**

Chỉ tiêu	ĐVT	Huyện Buôn Đôn (n = 150)	Huyện Krông Năng (n = 150)
<b>1. Diện tích đất trồng cà phê bình quân hộ</b>	<i>ha</i>	0,94	1,06
- Năng suất/ha	tấn/ha	2,05	3,58
- Sản lượng bình quân/hộ	tấn/hộ	1,93	3,78
- Doanh thu bình quân/hộ	triệu đồng	75,48	144,90
<b>2. Tuổi vườn cây</b>			
- Dưới 10 năm	%	30,00	30,00
- Từ 10 - 20 năm	%	63,33	66,67
- Trên 20 năm	%	6,67	3,33
<b>3. Giống cây trồng</b>			
- Cây thực sinh	%	97,33	98,67
- Cây ghép	%	3,33	1,33
- Tự sản xuất giống	%	97,33	88,00
- Mua giống	%	3,33	12,00

Nguồn: Số liệu điều tra, 2015

### 3.2. Thực trạng rủi ro trong sản xuất cà phê của hộ nông dân ở tỉnh Đắk Lắk

#### 3.2.1. Rủi ro trong sản xuất

##### a. Rủi ro do sâu bệnh hại cà phê và do thời tiết

Sâu bệnh hại là một vấn đề mà người trồng cà phê đặc biệt quan tâm vì nó thường xuất hiện ở tất cả các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của cây làm giảm năng suất, chất lượng quả cà phê. Các loại sâu bệnh hại này chủ yếu gồm rệp sáp mềm xanh, rệp sáp hại quả, rệp sáp hại rễ, sâu đục thân, một đục cành, đục quả cà phê. Năm 2000 - 2003 tỉnh Đắk Lắk xuất hiện dịch rệp sáp hại cà phê, bệnh vàng lá do tuyến trùng và nấm đối với cà phê, năm 2007 - 2009 xuất hiện dịch ve sâu hại rễ cà phê. Thời điểm năm

2011, tình trạng sâu bệnh hại cà phê xảy ra ở mức báo động, bệnh rệp sáp hại quả, rệp sáp mềm xanh gây hại nặng, năng suất quả giảm từ 10 - 25%. Ngoài ra, các hộ sản xuất cà phê hay gặp bệnh tuyến trùng hay còn tên gọi khác là bệnh vàng lá thối rễ. Bệnh chiếm 17,54% ở hộ sản xuất quy mô nhỏ và 6,02% tại hộ sản xuất quy mô vừa.

Kết quả phân tích ở bảng 2 cho thấy, tỷ lệ hộ có vườn cà phê bị nhiễm sâu bệnh hại so với tổng số hộ điều tra ở huyện Buôn Đôn chiếm 25,33%, huyện Krông Năng là 16,67%.

##### b. Rủi ro do thiên tai, thời tiết

Với tình trạng thời tiết thay đổi thất thường, mưa đến sớm khi thu hoạch và hạn hán khi cà phê đang phát triển nên nhiều vùng

**Bảng 2. Tỷ lệ hộ gặp rủi ro do sâu bệnh hại và do thời tiết trong sản xuất cà phê (%)**

Chỉ tiêu	Huyện Krông Năng		Huyện Buôn Đôn	
	So với trong huyện (n = 150)	So với toàn bộ (n = 300)	So với trong huyện (n = 150)	So với toàn bộ (n = 300)
1. Do sâu bệnh hại	16,67	8,33	25,33	12,67
2. Do thời tiết				
Khô hạn	15,33	7,67	11,33	5,67
Mưa thất thường	51,33	25,67	28,00	14,00

Nguồn: Số liệu điều tra, 2015

không đủ nước tưới. Từ cuối năm 2014 hiện tượng El Nino đã bắt đầu ảnh hưởng đến Việt Nam gây ra hạn hán làm thiệt hại nặng đến sản xuất của người trồng cà phê (5.000 ha cà phê bị mất trắng và 40.000 ha bị ảnh hưởng nghiêm trọng). Niên vụ 2014 - 2015, ước toàn tỉnh chỉ có khoảng 60% diện tích trồng cà phê đủ nước tưới. Đến niên vụ 2015 - 2016 toàn tỉnh Đắk Lắk có 250 hồ cạn nước, hàng trăm hồ chứa chỉ còn khoảng 30 - 40% dung tích thiết kế, thấp hơn nhiều so với năm 2015.

Tại hai điểm điều tra, huyện Buôn Đôn gặp nhiều khó khăn về thời tiết hơn so với huyện Krông Năng, lượng mưa bình quân hàng năm ít hơn so với toàn khu vực, từ 2.500 - 3.000 mm/năm, nhưng lại phân bố không đồng đều, cao điểm mưa là vào các tháng 7, 8, 9 dễ gây ra tình trạng ngập úng. trong khi các tháng khác thì hạn hán, lượng nước từ sông suối và giếng không đủ đáp ứng cho tưới tiêu. Ngoài ra, đất đai tại huyện Buôn Đôn có cơ cấu thô, giữ nước kém, kết hợp thường bị hạn hán kéo dài dẫn tới rủi ro do thời tiết, khí hậu của các hộ nông tại Buôn Đôn.

Điều kiện tự nhiên tại huyện Krông Năng thuận lợi hơn. Hiện tại có 3 nguồn nước tưới cà phê chủ yếu là nước ao hồ, sông suối tự nhiên, các công trình thủy lợi và giếng khoan hoặc đào. Trong những năm qua, diện tích trồng cà phê phát triển rất nhanh, kể cả ở những vùng không thuận lợi về nước tưới.

*c. Rủi ro do kỹ thuật canh tác*

Kỹ thuật canh tác có vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả kinh tế của hoạt động sản xuất cà phê. Việc không nhận thức được đúng các kỹ thuật trong thiết kế vườn cà phê bao gồm xác định khoảng cách giữa các hàng, các cây và xử lý đất trước khi trồng, cách thức bón phân, loại phân, số lượng phân sẽ dẫn đến cây cà phê bị bệnh và các rủi ro dịch bệnh trong sản xuất cà phê là không tránh khỏi.

Cà phê là cây trồng đòi hỏi đầu tư thâm canh cao cả về kỹ thuật và vật tư, kết quả điều tra ở bảng 4 cho thấy rủi ro do kỹ thuật liên quan chủ yếu đến việc sử dụng giống, công tác bảo vệ thực vật, bón phân và tạo hình cây.

**Bảng 3. Tỷ lệ hộ gặp rủi ro do thời tiết trong sản xuất cà phê (%)**

Chỉ tiêu	Buôn Đôn		Krông Năng	
	So với trong huyện (n = 150)	So với toàn bộ (n = 300)	So với trong huyện (n = 150)	So với toàn bộ (n = 300)
Khô hạn	15,33	7,67	11,33	5,67
Mưa thất thường	51,33	25,67	28,00	14,00

Nguồn: Số liệu điều tra, 2015

**Bảng 4. Đánh giá về ảnh hưởng của kỹ thuật canh tác đến khả năng xảy ra rủi ro trong sản xuất cà phê**

Chỉ tiêu	Hộ sản xuất nhỏ (n = 211)	Hộ sản xuất trung bình (n = 83)	Hộ sản xuất lớn (n = 06)
Giống	21,8	21,69	50,00
Tạo hình	9,00	9,64	16,67
Làm cỏ	3,79	3,61	0,0
Bón phân	18,96	19,28	16,67
Tưới nước	2,37	2,41	0,0
Bảo vệ thực vật	44,08	43,7	16,66

Nguồn: Số liệu điều tra, 2015

**Bảng 5. Tình hình thực hiện các kỹ thuật chăm sóc cây theo nhóm hộ (%)**

Chỉ tiêu	Hộ sản xuất nhỏ (n = 211)		Hộ sản xuất TB (n = 83)		Hộ sản xuất lớn (n = 06)	
	Được tập huấn	Tự học hỏi	Được tập huấn	Tự học hỏi	Được tập huấn	Tự học hỏi
- Kỹ thuật tạo hình	22,27	77,73	22,89	77,11	65,2	34,8
- Kỹ thuật Bón phân	30,81	69,19	30,12	69,88	66,67	33,33
- Kỹ thuật tưới	17,06	82,94	16,87	83,13	66,67	33,33
- Kỹ thuật BVTV	21,33	78,67	21,67	78,33	83,33	16,67

Nguồn: Số liệu điều tra, 2015

Lựa chọn giống dẫn tới rủi ro trong sản xuất, phần lớn các hộ sản xuất trồng bằng giống cây thực sinh (98,67% ở huyện Krông Năng và 97,33% ở huyện Buôn Đôn). Kỹ thuật trồng cây cà phê ghép được xem là tiến bộ kỹ thuật quan trọng, tuy nhiên tỷ lệ lựa chọn phương pháp này rất thấp.

Kết quả điều tra tình hình sử dụng phân bón, nước tưới và thuốc bảo vệ thực vật của người sản xuất cho thấy số hộ sử dụng phân hữu cơ cho trồng cà phê chiếm 47,5% ở huyện Krông Năng và 36% ở huyện Buôn Đôn. Loại phân hữu cơ được sử dụng phổ biến là phân chuồng (phân trâu, bò, với lượng bón từ 15 - 25 tấn/ha, chu kỳ 2 - 3 năm bón một lần). Những năm gần đây, một số hộ gia đình ngoài việc tận dụng vỏ cà phê và các phế phụ phẩm trong nông nghiệp ủ làm phân bón vi sinh và mua về bón thêm cho cây cà phê, khoảng trên 6 tấn/ha.

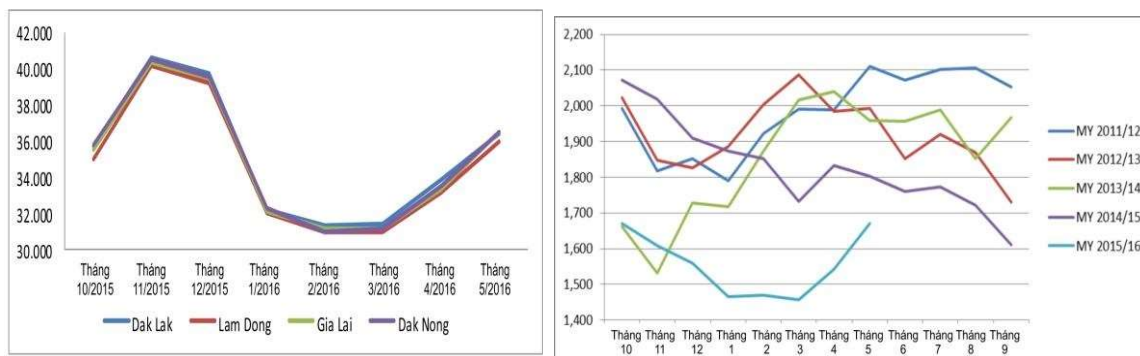
Về tình hình sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), 100% số hộ được điều tra đều trả lời là hàng năm phải sử dụng thuốc bảo vệ thực vật để phòng trừ các loài sâu, bệnh hại chính như rệp sáp, mọt đục cành, bệnh gỉ sắt... Kết quả điều tra cũng cho thấy chỉ có 3,33% số hộ ở Krông Năng và 8% hộ ở Buôn Đôn không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật rơi vào các hộ có điều kiện kinh tế khó khăn, các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Nhìn chung các hoạt động sản xuất liên quan đến kỹ thuật sản xuất mà người dân sử dụng chủ yếu xuất phát từ kinh nghiệm sản xuất hoặc từ việc học hỏi các hộ khác. Tỷ lệ hộ được tập huấn kỹ thuật tại hai điểm điều tra là rất thấp (Bảng 5).

### 3.2.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường trong sản xuất cà phê liên quan chủ yếu đến việc tiêu thụ sản phẩm, biến động giá yếu tố đầu vào và giá sản phẩm cà phê. Phân bón là mặt hàng vật tư nông nghiệp rất nhạy cảm đối với nông dân trồng cà phê. Khi giá cà phê cao nông dân có xu hướng sử dụng phân bón cao hơn rất nhiều so với khuyến cáo chung của các cơ quan chuyên môn. Ngược lại khi giá cà phê xuống thấp thì nông dân lại giảm lượng phân bón. Theo các hộ trồng cà phê cho biết, trong cơ cấu chi phí phân bón thì phân đạm là chiếm tỉ trọng lớn, khoảng 50%, tiếp đến là lân chiếm 30,5% và chi phí bón phân kali tăng 19,5%.

Đồ thị 2 cho thấy giá cà phê sụt giảm mạnh nhất trong niên vụ 2015/2016. Sự biến động về giá dẫn đến nhiều rủi ro trong sản xuất cà phê. Theo điều tra (Bảng 6), ở huyện Krông Năng, tỷ lệ hộ gặp rủi ro thị trường lại cao hơn so với huyện Buôn Đôn. Cụ thể huyện Krông Năng là 16,33% trong khi tại huyện Buôn Đôn chỉ là 7,33%. Trong đó, các hộ nông dân tại huyện Krông Năng bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi yếu tố Giá cà phê không ổn định (12,33%). Lý giải cho điều này là do giá cà phê thời gian qua biến động, hộ nông dân tại Krông Năng có xu hướng tích trữ chờ giá cao nhưng giá lại không được như kỳ vọng dẫn tới thiệt hại. Ngoài ra, do các đại lý thu mua trên địa bàn đưa ra nhiều lý do để mua vào với giá thấp hơn các khu vực khác, cũng đã ảnh hưởng một phần tới nguồn thu của các hộ nông dân.



**Đồ thị 2. Giá cà phê xanh xuất khẩu tại Việt Nam và giá bán ở một số tỉnh**

Nguồn: Cục xúc tiến thương mại, 2015

**Bảng 6. Tỷ lệ hộ gặp rủi ro thị trường trong sản xuất cà phê (%)**

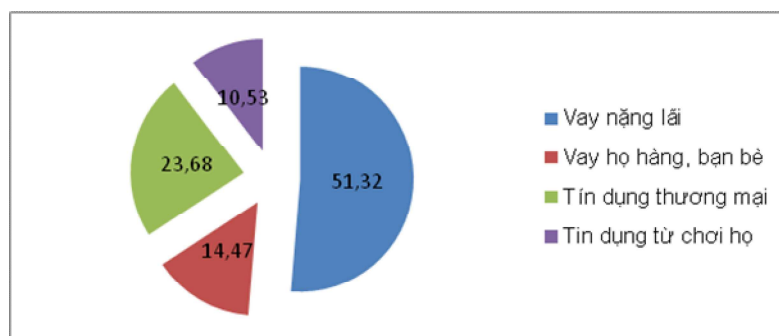
Chỉ tiêu	Buôn Đôn		Krông Năng	
	So với trong huyện (n = 150)	So với toàn bộ (n = 300)	So với trong huyện (n = 150)	So với toàn bộ (n = 300)
- Giá cà phê không ổn định	6,00	3,00	24,67	12,33
- Giá giảm trong thời gian dài	1,33	0,67	3,33	1,67
- Giá đầu vào không ổn định	6,00	3,00	3,33	1,67
- Phá hợp đồng	1,33	0,67	0,67	0,33
- Tỷ giá ngoại tệ và lãi suất không ổn định	0,00	0,00	0,67	0,33

Nguồn: Số liệu điều tra, 2015

### 3.2.3. Rủi ro tài chính trong sản xuất cà phê

Ở Việt Nam nói chung và ở Đắk Lắk nói riêng, phần lớn người sản xuất cà phê thiếu vốn do tính bấp bênh, biến động bất ổn của giá cả mặt hàng này. Cây cà phê cần có chế độ chăm sóc theo một quy trình khép kín mới đảm bảo chất lượng của vườn cà phê và chất lượng của sản phẩm nên khi thiếu vốn cho sản xuất sẽ hạn chế khả năng tăng trưởng của cây. Theo điều tra

(Biểu đồ 3), các hộ sản xuất cà phê tiếp cận với rất nhiều loại hình tín dụng trong đó tiếp cận tín dụng từ các ngân hàng thương mại chỉ chiếm 23,68%. Thực tế điều tra cho thấy, hầu hết các hộ sản xuất cà phê đều thiếu vốn để đầu tư chăm sóc cà phê và phải đi vay nóng rất cao, chiếm 51,32% trong tổng số hộ vay vốn. Đây chính là yếu tố tiềm ẩn dẫn đến rủi ro tài chính của các hộ điều tra, vì trong trường hợp cà phê bị rớt giá, các hộ sản xuất sẽ lâm vào cảnh nợ nần.



**Đồ thị 3. Cơ cấu vốn vay của các hộ sản xuất cà phê**

**Bảng 7. Mức độ thiệt hại của người sản xuất tại thời điểm điều tra**

Loại rủi ro	Quy mô nhỏ		Quy mô trung bình		Quy mô lớn	
	Tỷ lệ thiệt hại (%)	Mức độ thiệt hại (triệu đồng)	Tỷ lệ thiệt hại (%)	Mức độ thiệt hại (triệu đồng)	Tỷ lệ thiệt hại (%)	Mức độ thiệt hại (triệu đồng)
Rủi ro sản xuất	39,82	2.607	28,47	1.864	1,62	106
- Khô hạn	10,37	679	0,31	20	0,58	38
- Sâu bệnh, dịch bệnh	9,64	631	6,49	425	-	-
- Mưa thất thường	19,81	1.297	21,67	1.419	1,04	68
Rủi ro về thị trường, tài chính	14,63	958	11,60	760	1,13	74
- Giá cà phê không ổn định	10,98	719	3,48	228	1,13	74
- Giá giảm trong thời gian dài	1,25	82	-	-	-	-
- Giá đầu vào không ổn định	2,09	137	6,60	432	-	-
- Phá hợp đồng	0,15	10	1,53	100	-	-
- Tỷ giá ngoại tệ và lãi suất không ổn định	0,15	10	-	-	-	-

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2015

### 3.3. Mức độ thiệt hại của hộ sản xuất cà phê

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ thiệt hại trong sản xuất cà phê có quan hệ tỷ lệ nghịch với quy mô sản xuất. Đối với các hộ quy mô nhỏ thì mức độ thiệt hại tương đối lớn, tổng mức độ thiệt hại là 3,567 tỷ đồng. Trong đó rủi ro trong sản xuất là 2,607 tỷ đồng; rủi ro về thị trường là 0,958 tỷ đồng.

Đối với các hộ quy vừa thì tổng mức độ thiệt hại là 2,624 tỷ đồng. Trong đó rủi ro sản xuất là 1,864 tỷ đồng; rủi ro về thị trường là 0,76 tỷ đồng. Còn các nhóm hộ quy mô lớn thì mức độ thiệt hại ít hơn, tổng mức độ thiệt hại mà nhóm hộ này gánh chịu là 180 triệu đồng.

### 3.4. Biện pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cà phê của hộ nông dân

#### 3.4.1. Biện pháp giảm thiểu rủi ro sản xuất đối với hộ nông dân

##### a. Giải pháp thích ứng đối với biến đổi khí hậu

Ở góc độ đề xuất các giải pháp giảm thiểu rủi ro, người sản xuất cần phải thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật tốt như trồng cây che bóng, cây chắn gió, tăng cường quản lý dịch bệnh cho cây cà phê để hạn chế những rủi ro có thể xảy ra. Trong trường hợp những rủi ro do thiên tai hoặc đại dịch xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát

của hộ nông dân thì hộ phải có những phương án kết hợp khác nhằm chia sẻ rủi ro như mua bảo hiểm, tham gia hợp đồng kỳ hạn hoặc đa dạng hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ để có thể có các khoản bù đắp khi có rủi ro xảy ra

##### b. Giải pháp giảm thiểu rủi ro do sâu bệnh hại

Các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại liên quan đến kỹ thuật sản xuất thường được người dân quan tâm và khuyến khích sử dụng. Biện pháp phòng trừ bằng hóa học chỉ được sử dụng như biện pháp cuối cùng khi cần thiết. Một số giải pháp mà hộ cần tiến hành thực hiện như sau:

- Trước khi trồng mới vườn cà phê cần vệ sinh vườn để loại bỏ các tàn dư thực vật, cày phơi đất trong mùa khô để diệt nguồn tuyến trùng trong đất;

- Chọn giống tốt, đảm bảo chất lượng;

- Theo dõi vườn cà phê một cách chặt chẽ và thường xuyên để phát hiện sớm tình trạng sâu bệnh. Ngoài ra, các hộ sản xuất cà phê cần kết hợp chặt chẽ với những cá nhân, tổ chức chuyên trách công tác quản lý và bảo vệ thực vật để họ tư vấn hoặc trực tiếp theo dõi nhằm phát hiện kịp thời sâu dịch bệnh để phòng chống tốt nhất. Đối với các trang trại sản xuất quy mô lớn thì cần phải có người chuyên trách về bảo vệ thực



vật, còn đối với các hộ nhỏ lẻ nên có sự liên kết với nhau để thuê chuyên trách bảo vệ sản xuất

*c. Giải pháp về kỹ thuật*

Người nông dân cần phải quan tâm đến các biện pháp trồng cây che bóng, vừa để cải thiện điều kiện về khí hậu trong vườn cà phê, vừa để thực hiện đa dạng hóa cây trồng, đa dạng hóa sản phẩm trong vùng cà phê.

*d. Giải pháp về đa dạng hóa*

Đa dạng hóa cây trồng lâu năm trong vườn cà phê vối là một trong những giải pháp thiết thực giúp cho hộ sản xuất cà phê của tỉnh Đắk Lắk giảm thiểu các ảnh hưởng do rủi ro từ sản xuất cà phê đem lại, cải thiện thu nhập cho các hộ trồng cà phê.

*e. Giải pháp về liên kết*

Giải pháp liên kết trong sản xuất và tiêu thụ cà phê là biện pháp hữu hiệu giúp cho hộ nông dân của tỉnh Đắk Lắk giảm thiểu được các rủi ro sản xuất, rủi ro thị trường cũng như rủi ro về tài chính. Liên kết tất cả các khâu từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

*g. Giải pháp về hợp đồng sản xuất*

Người nông dân sản xuất cà phê vẫn chưa nhận thức được rằng việc ký kết hợp đồng sẽ giúp cho họ chia sẻ rủi ro với các bên và đồng thời cũng góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm. Trong thực tế, giải pháp hợp đồng chính là điều kiện hay là phương tiện để phát triển các hình thức liên kết, góp phần giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cà phê của các hộ.

**3.4.2. Giải pháp đối với các cấp chính quyền địa phương**

*a. Giải pháp về quy hoạch*

Tỉnh cần phải quy hoạch và quản lý chặt chẽ từng thửa đất cà phê, kiên quyết không để các hộ dân tự ý trồng hoặc phá bỏ tùy tiện, tự phát. Người sản xuất không tự ý mở rộng diện tích sản xuất nhằm tránh tình trạng gia tăng sản phẩm đột biến dẫn đến cung vượt cầu.

*b. Giải pháp cho vay tín dụng*

Các hoạt động hỗ trợ tín dụng từ phía chính quyền địa phương sẽ giúp hộ nông dân sản xuất

cà phê khắc phục được các rủi ro bất ngờ xảy ra như thiên tai, dịch bệnh trong quá trình sản xuất hoặc giúp cho các hộ nông dân thực hiện các giải pháp hữu hiệu về kỹ thuật nhằm phòng ngừa các rủi ro có thể xảy ra.

*c. Hỗ trợ về kỹ thuật*

Xây dựng các dự án hỗ trợ về kỹ thuật giúp cho các hộ nông dân sản xuất cà phê thông qua việc xây dựng các mô hình công nghệ cao, tổ chức các lớp đào tạo về kỹ thuật cho người nông dân hoặc xây dựng các dự án cải thiện nhận thức của người nông dân sản xuất cà phê đối với các hình thức liên kết trong sản xuất và tầm quan trọng của việc ký hợp đồng và mua bảo hiểm cho hoạt động sản xuất.

*d. Hỗ trợ thúc đẩy quá trình liên kết trong sản xuất*

Chính quyền địa phương cần nâng cao vai trò là trụ cột trong việc thúc đẩy liên kết trong sản xuất cà phê. Hiện nay tỉnh đã thành lập 5 liên minh sản xuất cà phê bền vững với hơn 1.087 hộ tham gia. Tuy nhiên kết quả vẫn chưa được nhân rộng, nhận thức của bà con về liên kết vẫn chưa thực sự được cải thiện.

*e. Giải pháp thành lập mô hình bảo hiểm cho cây cà phê*

Cà phê cũng như các cây nông sản khác đều chịu tác động rất lớn của yếu tố tự nhiên như hạn hán, lũ lụt mà những yếu tố này là khó lường. Vì vậy, việc tham gia bảo hiểm sẽ giúp cho người sản xuất cà phê tránh được những rủi ro. Ngoài ra cà phê là loại hàng hóa được mua bán kỳ hạn thông qua các sàn giao dịch nên gặp rủi ro cao trong tương lai. Vì vậy, tham gia bảo hiểm giúp cho các doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh cà phê.

*g. Giải pháp về chính sách*

Chính quyền địa phương tỉnh Đắk Lắk cần có các giải pháp về cơ chế, chính sách và quy hoạch như sau:

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình, mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu phát triển cà phê trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích, tạo điều kiện người dân phát huy tối đa nguồn lực và các

doanh nghiệp đầu tư sản xuất theo hướng liên kết “4 nhà”;

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách của Nhà nước đã ban hành như chính sách "Doanh nghiệp hợp đồng với nông dân tiêu thụ sản phẩm", "ưu đãi về đất đai cho các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp"; "chính sách tín dụng ưu đãi" và chính sách đào tạo lao động nghề cho khu vực nông thôn;

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển cà phê đến năm 2020; quy hoạch cụ thể các vùng trồng được cà phê và khuyến cáo kỹ thuật sản xuất phù hợp với từng vùng trồng.

#### 4. KẾT LUẬN

Mặc dù tỉnh Đắk Lắk có nhiều tiềm năng trong sản xuất cà phê, quy mô sản xuất cà phê trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhỏ lẻ, phân tán và mang tính chất tự phát. Các nguồn lực cho phát triển sản xuất cà phê còn hạn chế đặc biệt là công tác chuyển giao áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Các hộ trồng cà phê chủ yếu dựa trên kinh nghiệm và học hỏi lẫn nhau, tỷ lệ hộ được tập huấn kỹ thuật trồng cà phê còn thấp. Chính vì vậy, trong sản xuất cà phê, các hộ nông dân phải đối mặt với nhiều rủi ro. Ngoài những rủi ro khách quan như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, biến động giá cả đầu vào và đầu ra trên thị trường còn có các nguyên nhân chủ quan xuất phát từ kỹ thuật canh tác. Mức độ thiệt hại do các rủi ro trên gây ra có quan hệ tỷ lệ nghịch với quy mô sản xuất của hộ. Các hộ có quy mô sản xuất nhỏ thường chịu thiệt hại lớn hơn so với các hộ quy mô vừa và lớn. Để giảm thiểu rủi ro đối với hộ sản xuất cà phê, chính quyền địa phương tỉnh Đắk Lắk cũng như bản thân các hộ sản xuất cần có những giải pháp cụ thể đặc biệt cần thực hiện khuyến khích các hộ liên kết với nhau trong sản xuất kinh doanh và khích lệ hộ mua bảo hiểm rủi ro cho sản xuất cà phê.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alba Gonzalez Jacome (2004). Dealing with risk: small-scale coffee production systems in Mexico. <https://www.ic.nanzan-u.ac.jp/LATIN/kanko/PL/2004PDF/1albagonzales.pdf>.
- Allan H. Willett (1901). The economic theory of risk and insurance. <https://www.casact.org/pubs/forum/91wforum/91wf469.pdf>.
- Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk (2015). Niên giám thông kê 2015. Cục thống kê tỉnh Đắk Lắk.
- Cục xúc tiến thương mại (2015c). Tình hình xuất khẩu cà phê nước ta năm 2015: những con số nổi bật. Truy cập tại: <http://www.vietrade.gov.vn/ca-phe/5419-tinh-hinh-xuat-nhap-khau-ca-phe-nuoc-ta-nam-2015-nhung-con-so-noi-bat.html>.
- Frank H.Knight (1964). Risk, uncertainty and profit. [https://mises.org/sites/default/files/Risk,%20Uncertainty,%20and%20Profit\\_4.pdf](https://mises.org/sites/default/files/Risk,%20Uncertainty,%20and%20Profit_4.pdf).
- Harwood, J., R. Heifner, K. Coble, J. Perry, and A. Somwaru (1999). “Managing Risk in Farming: Concepts, Research, and Analysis.” Economic Research Service (ERS), U.S. Department of Agriculture.
- International Coffee Council (ICC) (2009). Climate change and coffee. <http://www.ico.org/documents/icc-103-6-r1e-climate-change.pdf>.
- Irving Preffer (1956). “Insurance and Economic Theory”, Homeward III: Richard Di Irwin, Inc.USA, pp. 42.
- Ipsard (2011). Vietnam coffee supply chain risk assessment. [https://www.agriskmanagementforum.org/sites/agriskmanagementforum.org/files/Documents/Coffee%20supply%20chain%20risk%20assessment%20\(Vietnam\).pdf](https://www.agriskmanagementforum.org/sites/agriskmanagementforum.org/files/Documents/Coffee%20supply%20chain%20risk%20assessment%20(Vietnam).pdf).
- Octavio A. Ramirez and Romeo Sosa (2000). Assessing the Financial Risk of Diversified coffee Production Systems: An Alternative Nonnormal CDF Estimation Approach. Journal of Agricultural and Resource Economics 25(1). <http://ageconsearch.umn.edu/bitstream/30838/1/25010267.pdf>.
- World bank (2005). Managing Agricultural Production Risk. [http://siteresources.worldbank.org/INTARD/Resources/Managing\\_Ag\\_Risk\\_FINAL.pdf](http://siteresources.worldbank.org/INTARD/Resources/Managing_Ag_Risk_FINAL.pdf).
- Worldbank (2015). Risk and finance in the coffee sector. <http://documents.worldbank.org/curated/en/742751467997014983/pdf/93923-WP-P144423-Box385447B-PUBLIC-Series-Agriculture-global-practice-disc-paper-Coffee-Sector-web-2-20-15-v3.pdf>.